

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 31-5-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tự
2. Bà Nguyễn Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988

Đăng ký HKTT: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Hiện ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Hoàng Hữu M, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt chị Đ, vắng mặt anh M không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Hữu M kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn

tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường cho đến cuối năm 2009 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M thường xuyên rượu chè cờ bạc và thỉnh thoảng đánh chửi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Đ, xã Đ, huyện Q sinh sống từ cuối năm 2009 cho đến nay. Từ trước năm 2011 thì thỉnh thoảng chị có về gia đình nhà chồng vào dịp giỗ chạp. Từ sau năm 2011 đến nay do chị đi làm ăn xa nên chị không về nhà chồng, anh M cũng không liên lạc, không quan tâm đến chị. Chị và anh M chính thức ly thân từ cuối năm 2009 cho đến nay. Chị thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh M được nữa nên chị xin ly hôn anh M.

Chị Đ khai chị và anh M không có con chung. Vợ chồng chị cũng đã từng có 02 con chung nhưng hai con chung đều đã chết vào các năm 2008 và năm 2011.

Về tài sản: Chị Đ khai chị và anh M không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn là anh Hoàng Hữu M đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M không có mặt để tham gia tố tụng. Kết quả xác minh được gia đình anh M và chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi anh M kết hôn với chị Đ, vợ chồng anh M chung sống tại thôn T, xã A, huyện Q. Năm 2011 vợ chồng đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị Đ tại thôn Đ, xã Đ đến năm 2015 thì anh M lại về sinh sống tại xã A, huyện Q còn chị Đ thì đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Quá trình chung sống giữa anh M chị Đ đã trải qua nhiều mất mát, đau thương về con cái, vợ chồng bắt đầu trực trặc mâu thuẫn từ năm 2015 khi chị Đ chuẩn bị đi lao động tại Nhật Bản nhưng anh M không đồng ý. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn anh M, gia đình anh M đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Toà án và đã giao trực tiếp cho anh M các văn bản đó nhưng quan điểm của anh M thông qua gia đình cho biết: Việc chị Đ ly hôn thì một mình chị giải quyết, anh M không lên Toà án giải quyết và không ký đơn ly hôn chị Đ vì anh M cho rằng trong cuộc sống vợ chồng chị Đ đã không trung thực về kinh tế. Anh M không có yêu cầu giải quyết về quan hệ con chung và quan hệ tài sản. Hiện tại anh M đi làm ăn xa không rõ địa chỉ cụ thể nhưng vẫn thường xuyên về gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị Đ được ly hôn anh M; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản đặt ra giải quyết. Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Hữu M đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Hữu M xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị Đ khai vợ chồng chung sống bình thường cho đến cuối năm 2009 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M thường xuyên rượu chè cờ bạc và thỉnh thoảng đánh chửi chị nên chị đã về nhà bố mẹ để chị ở thôn Đ, xã Đ, huyện Q sinh sống từ cuối năm 2009 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Về phía anh M đã thông qua gia đình nhận được các văn bản của Toà án nhưng quá trình giải quyết vụ án anh M không có mặt tại Toà án để tham gia tụng. Giữa anh M và chị Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, khúc mắc nhưng anh M không đến Toà án giải quyết thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của anh M cũng như anh M không có giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị Đ, anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn anh M là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Đ anh M không có con chung nên không đặt ra giải quyết

Về quan hệ tài sản: Chị Đ và anh M đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Hữu M.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003579 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Hữu M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- UBND xã A, H. Q,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng